UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG **Biểu số 113/CK TC-NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	Lũy kế	SO SÁNH
A	B	1	2	3	4=3/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**132.144**	**642.352,604162**	**642.352,604162**	486,10%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	6.349	6.295,468262	6.295,468262	99,16%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	22.539	12.366,267400	12.366,267400	54,87%
3	Thu bổ sung	**103.256**	**623.690,868500**	**623.690,868500**	604,02%
	- Thu bổ sung cân đối	103.256	77.442,000000	77.442,000000	75,00%
	- Thu bổ sung có mục tiêu		476.221,868500	476.221,868500	
	- Thu bổ sung (Tạm thu)		70.027,000000	70.027,000000	
4	Thu chuyển nguồn				
II	**TỔNG SỐ CHI**	**132.144**	**112.547,661791**	**274.763,626910**	85,17%
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên	132.144			
3	Dự phòng				

Ghi chú: Dự toán thu xác định theo dự toán được giao lại

Hòa Cường, ngày 10 tháng 10 năm 2025

Người lập **CHỦ TỊCH**

Ngô Thị Thúy Hiền **Trương Thanh Dũng**

UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG **Biểu số 114/CK TC-NSNN**

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III/2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN 9 THÁNG		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu ngân sách xã	**136.761**	**132.144**	**644.885,451397**	**642.352,604162**	**471,54%**	**486,10%**
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	**136.761**	**132.144**	644.885,451397	642.352,604162	471,54%	486,10%
I	**Các khoản thu 100%**	**6.349**	**6.349**	**6.295,468262**	**6.295,468262**	**99,16%**	**99,16%**
1	Phí, lệ phí	437	437	249,348700	249,348700	57,06%	57,06%
2	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	314	314	146,000000	146,000000	46,50%	46,50%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.370	5.370	5.050,698956	5.050,698956	94,05%	94,05%
4	Thu khác	228	228	849,420606	849,420606	372,55%	372,55%
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (1)**	**27.156**	**22.539**	**14.899,114635**	**12.366,267400**	**54,86%**	54,87%
1	Thuế ngoài quốc doanh	**17.127**	14.215	9.063,969939	7.523,096183	52,92%	52,92%
2	Thuế thu nhập cá nhân	10.029	8.324	5.835,144696	4.843,171217	58,18%	58,18%
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn ngân sách**						
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**103.256**	**103.256**	**623.691**	**623.690,868500**	**604,02%**	**604,02%**
1	Bổ sung cân đối ngân sách	103.256	103.256	77.442,000000	77.442,000000	75,00%	75,00%
2	Bổ sung có mục tiêu			476.221,868500	476.221,868500		
3	Tạm thu			70.027,000000	70.027,000000		

Ghi chú: Dự toán thu xác định theo dự toán được giao lại

Hòa Cường, ngày 10 tháng 10 năm 2025

Người lập **CHỦ TỊCH**

Trần Thị Mai **Trương Thanh Dũng**

UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG **Biểu số 115/CK TC-NSNN**

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III/2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			THỰC HIỆN QUÝ III			LŨY KẾ			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=7/1	11=8/2	12=9/3
	TỔNG CHI	**132.144,000000**		**132.144,000000**	**112.547,661791**		**112.547,661791**	**274.763,626910**		**274.763,626910**	**207,93%**		**207,93%**
	Trong đó												
1	Quốc phòng	8.029,885966		8.029,885966	793,090031		793,090031	6.226,626752		6.226,626752	77,54%		77,54%
2	An ninh	16.639,317869		16.639,317869	2.741,595722		2.741,595722	10.257,913591		10.257,913591	61,65%		61,65%
3	Giáo dục	503,246350		503,246350	41.658,355398		41.658,355398	140.470,044709		140.470,044709	27912,78%		27912,78%
4	Y tế	896,140220		896,140220	0,000000			446,140220		446,140220	49,78%		49,78%
5	Văn hoá	2.812,710995		2.812,710995	987,654238		987,654238	2.348,365233		2.348,365233	83,49%		83,49%
6	Thể thao	814,050720		814,050720	115,300000		115,300000	410,350720		410,350720	50,41%		50,41%
7	Môi trường	1.492,332140		1.492,332140	0,000000			420,332140		420,332140	28,17%		28,17%
8	Kinh tế	4.171,651457		4.171,651457	1.091,412510		1.091,412510	2.133,063967		2.133,063967	51,13%		51,13%
9	Quản lý hành chính	87.639,725762		87.639,725762	49.036,406492		49.036,406492	92.495,047474		92.495,047474	105,54%		105,54%
10	Đảm bảo xã hội	2.215,022104		2.215,022104	16.123,847400		16.123,847400	19.153,869504		19.153,869504	864,73%		864,73%
11	Chi khác	6.929,916417		6.929,916417	0,000000			401,872600		401,872600	5,80%		5,80%
12	Dự phòng ngân sách												

Hòa Cường, ngày 10 tháng 10 năm 2025

Người lập **CHỦ TỊCH**

Ngô Thị Thúy Hiền **Trương Thanh Dũng**